

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2025

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Trực;
2. Ông Nguyễn Quý Ánh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Viết Diệu Trâm, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2025; “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kiều T- sinh năm: 1986. Địa chỉ: thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Anh T- sinh năm: 1983. Địa chỉ: thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trương Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Trương Anh T quen biết yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã An Thạnh Ba, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi, kết hôn vợ chồng sống tại thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam. Thời gian đầu sống chung vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy có những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng có thể bỏ qua cho nhau. Thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, sinh hoạt, vợ chồng không hợp, không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không thể nào tiếp tục. Nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng mạnh ai nấy sống không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Bà Trương Thị Kiều T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, chung sống hạnh phúc được. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Anh T.

Về con chung: Bà và ông Trần Anh T thời gian sống chung có 02 người con chung tên Trần Diệu N – sinh ngày: 27/3/2017 và Trần Bảo Y – sinh ngày: 08/4/2019. Hiện 02 con chung đang sống với bà T. Nguyên vọng của bà sau khi ly hôn 02 con chung sẽ do bà tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôn nay bị đơn ông Trần Anh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trương Thị Kiều T sống chung với nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã An Thạnh Ba, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu sống chung với nhau rất hạnh phúc, tuy có những mâu thuẫn nhỏ nhưng vợ chồng có thể bỏ qua cho nhau. Thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bà T thay đổi tính tình, không hiểu lý do tại sao bà T tự ý bỏ nhà ra đi. Nhiều lần ông năn nỉ bà T quay về nhưng bà T không đồng ý. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân không ai có ý

định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Kiều T vợ chồng hiện nay đã không còn tình cảm với nhau.

Ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Kiều T vì hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn.

Về con chung: Ông và bà Trương Thị Kiều T thời gian sống chung có 02 người con chung tên Trần Diệu N– sinh ngày: 27/3/2017 và Trần Bảo Y– sinh ngày: 08/4/2019. Hiện 02 con chung đang sống với bà T. Nguyên vọng của ông sau khi ly hôn 01 con chung tên Trần Diệu N– sinh ngày: 27/3/2017 sẽ do ông nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bé Trần Bảo Y– sinh ngày: 08/4/2019 do bà Trương Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi dưỡng 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm, kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là bà Trương Thị Kiều T.

Về con chung: thời gian sống chung bà T ông T có 02 con chung tên Trần Diệu N– sinh ngày: 27/3/2017 và Trần Bảo Y– sinh ngày: 08/4/2019. Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung chưa thành niên cho bà Trương Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con đến năm các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung; nợ chung: các bên không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Nguyên đơn là bà Trương Thị Kiều T nộp đơn xin ly hôn với ông Trần Anh T có hộ khẩu thường trú và hiện đang trú tại: thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[3] Theo đơn ly hôn và tại phiên tòa, bà Trương Thị Kiều T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam xin ly hôn với ông Trần Anh T Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Về hôn nhân: Xét thấy bà Trương Thị Kiều T và ông Trần Anh T có quen biết yêu thương nhau và đăng ký kết hôn năm 2016 tại UBND xã An Thạnh Ba, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở tự nguyện, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử, xét thấy vợ chồng bà Trương Thị Kiều T và ông Trần Anh T chung sống với nhau nhà của ba mẹ ông T tại thôn Minh Tiến, xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy có mâu thuẫn nhưng vợ chồng có thể bỏ qua cho nhau. Sau đó, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu về sinh hoạt trong cuộc sống hôn nhân. Cả hai đều thừa nhận vợ chồng hiện nay đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Trương Thị Kiều T và ông Trần Anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được

Căn cứ theo lời khai của hai bên đương sự, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trương Thị Kiều T xin ly hôn với ông Trần

Anh Tuấn, ông Trần Anh T đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện của các bên không bị ai ép buộc. Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Kiều T là có căn cứ nên chấp nhận. Bà Trương Thị Kiều T được ly hôn với ông Trần Anh Tuấn.

[5] Về con chung: Quá trình sống chung bà Trương Thị Kiều T và ông Trần Anh T có 02 con chung chưa thành niên tên Trần Diệu N– sinh ngày: 27/3/2017 và Trần Bảo Y– sinh ngày: 08/4/2019. Hiện 02 con chung đang sống với bà T. Bà Trương Thị Kiều T có nguyện vọng sau khi ly hôn muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung không yêu cầu ông Trần Anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Anh T có nguyện vọng sau khi ly hôn 01 con chung tên Trần Diệu N– sinh ngày: 27/3/2017 sẽ do tôi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bé Trần Bảo Y– sinh ngày: 08/4/2019 do bà Trương Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng, thì ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện 02 con chung đang sống với bà T. 02 con chung đều là con gái, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu nhỏ, nguyện vọng của bé Trần Diệu N muốn ở với mẹ nếu như bố mẹ ly hôn. Xét thấy, cần tiếp tục giao 02 con chung chưa thành niên cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của ông T. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trương Thị Kiều T và ông Trần Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: bà Trương Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật thi hành án dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Kiều T; bà Trương Thị Kiều T được ly hôn với ông Trần Anh T.

2. Về nuôi con:

2.1. Bà Trương Thị Kiều T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con tên Trần Diệu N – sinh ngày: 27/3/2017 và Trần Bảo Ý – sinh ngày: 08/4/2019. Bà Trương Thị Kiều T có quyền yêu cầu ông Thoặc người nào đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Trần Diệu N và Trần Bảo Ý phải giao lại cháu Như và cháu Y cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong trường hợp cháu Trần Diệu N và Trần Bảo Ý do ông Trần Anh T hoặc người khác đang trông nom, nuôi dưỡng, quản lý cháu Trần Diệu N và Trần Bảo Ý thì bà Trương Thị Kiều T có quyền yêu cầu những người này phải giao con hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết để thực hiện quyền trực tiếp nuôi con.

2.2. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên khác trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Hàng tháng ông Trần Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Diệu N và Trần Bảo Ý với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng/tháng/con) cho đến khi các cháu Trần Diệu N và Trần Bảo Ý lần lượt đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Trương Thị Kiều T) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kiều T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn với số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 005572 ngày 13 tháng 03 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Trương Thị Kiều T đã đóng đủ số tiền trên. Ông Trần Anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Hàm Thuận Nam;
- UBND xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành